

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU**  
**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Nhi khoa

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: **ĐINH DƯƠNG TÙNG ANH**

2. Ngày tháng năm sinh: 26/02/1988; Nam ; Nữ  Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Đoàn Lập, Tiên Lãng, Hải Phòng.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): số 1/6/228 Trần Nguyên Hãn, phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, Hải Phòng.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): số 1/6/228 Trần Nguyên Hãn, phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, Hải Phòng.

Điện thoại nhà riêng: .....

Điện thoại di động: 0768.358.666; E-mail: [ddtanh@hpmu.edu.vn](mailto:ddtanh@hpmu.edu.vn)

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 4/2014 đến tháng 12/2014: Giảng viên tập sự, Bộ môn Nhi.

Từ tháng 01/2015 đến nay: Giảng viên Bộ môn Nhi, trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Từ tháng 9/2015 đến tháng 9/2019: Nghiên cứu sinh – Đại học Kanazawa, tỉnh Ishikawa, Nhật Bản.

Từ tháng 11/2019 đến tháng 10/2022: Giáo vụ Sau đại học, Bộ môn Nhi, trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Từ tháng 3/2023 đến tháng 6/2023: Phó trưởng Bộ môn Nhi, Khoa Y, trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Từ tháng 7/2023 đến nay: Phó trưởng phụ trách Bộ môn Nhi, Khoa Y, trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Chức vụ: Hiện nay: Phó trưởng phụ trách Bộ môn Nhi;

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng phụ trách Bộ môn Nhi;

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Địa chỉ cơ quan: 72A Nguyễn Bình Khiêm, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại cơ quan: 02253.731.907

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Chưa nghỉ hưu.

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 15 tháng 09 năm 2011; số văn bằng: 004807; ngành: Y học, chuyên ngành: Bác sĩ đa khoa; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Việt Nam;

- Được cấp bằng Đại học ngày 20 tháng 09 năm 2008; số văn bằng: A0137835; ngành: Tiếng Anh; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Hải Phòng, Việt Nam;

- Được cấp bằng ThS ngày 20 tháng 01 năm 2015; số văn bằng: PARVII 10613208; ngành: Khoa học, Công nghệ, Sức khỏe; chuyên ngành: Sinh học tế bào, Sinh lý học và Bệnh học; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Paris 7 - Paris Diderot, Cộng hòa Pháp;

- Được cấp bằng TS ngày 26 tháng 09 năm 2019; số văn bằng: Iyakuho-Haku-Ko 296; ngành: Y học; chuyên ngành: Não khoa phát triển; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Kanazawa, Nhật Bản;

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ....; số văn bằng: .....; ngành: .....; chuyên ngành: .....; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): .....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ..... năm ..... , ngành: .....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: **Y học.**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

*- Hướng nghiên cứu thứ nhất: **Lâm sàng Nhi khoa***

Các nghiên cứu được thực hiện về các bệnh lý thường gặp trong Nhi khoa như: hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, thần kinh,... Các nghiên cứu này tập trung đánh giá về đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, kết quả điều trị và một số yếu tố liên quan của bệnh. Các kết quả nghiên cứu giúp nâng cao chất lượng khám, chữa và phòng bệnh, giảm tỷ lệ tử vong và tiến triển bệnh nặng. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng là cơ sở để đề xuất các biện pháp phòng ngừa, tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người chăm sóc trẻ, tư vấn phát hiện sớm để người chăm sóc trẻ kịp thời đưa trẻ tới khám và điều trị. Đây là hướng nghiên cứu chính gắn liền với thực hành lâm sàng và công tác giảng dạy, đào tạo của ứng viên.

Theo hướng nghiên cứu này, ứng viên đã thực hiện **08** đề tài khoa học và công nghệ (KH-CN) cấp cơ sở, hướng dẫn **10** học viên sau đại học chuyên ngành Nhi khoa (04 HV Cao học, 05 HV Bác sĩ nội trú và 01 HV Bác sĩ chuyên khoa cấp II). Ngoài ra, ứng viên đã tham gia biên soạn 02 quyển giáo trình Nhi khoa và công bố **46** bài báo khoa học trên các tạp chí uy tín, phục vụ giảng dạy đại học và sau đại học tại trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

*- Hướng nghiên cứu thứ hai: **Đặc tính kháng thuốc của vi khuẩn gây bệnh***

Các nghiên cứu được tiến hành dựa trên việc phân tích kết quả nuôi cấy định danh vi khuẩn gây các bệnh lý nhiễm khuẩn và kháng sinh đồ được tiến hành tại các cơ sở y tế tại Hải Phòng. Các kết quả nghiên cứu này là cơ sở cho sự giám sát những thay đổi trong dịch tễ, tỷ lệ các vi khuẩn gây bệnh và đặc tính kháng kháng sinh của các loại vi khuẩn gây bệnh thường gặp nhất ở trẻ em thành phố Hải Phòng. Từ đó, các nghiên cứu này khuyến nghị về các lựa chọn phác đồ kháng sinh đầu tay trong điều trị các bệnh lý nhiễm khuẩn thường gặp trên thực hành nhi khoa, hướng tới mục tiêu kiểm soát việc sử dụng kháng sinh và sự kháng thuốc của vi khuẩn gây bệnh, đặc biệt là nhóm bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp ở trẻ em. Đây là hướng nghiên cứu gắn liền với các kiến thức ứng viên đã được học trong khóa học Thạc sĩ tại Cộng hòa Pháp.

Theo hướng nghiên cứu này, ứng viên đã thực hiện **02** đề tài KH-CN cấp cơ sở và hướng dẫn 02 học viên Cao học chuyên ngành Nhi khoa. Ngoài ra, ứng viên đã công bố **18** bài báo khoa học trên các tạp chí uy tín. Các công trình này đã được tích hợp phục vụ giảng dạy trong các chương trình đào tạo sau đại học Nhi khoa tại trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

*- Hướng nghiên cứu thứ ba: **Não khoa phát triển***

Các nghiên cứu được thực hiện về quá trình hình thành và phát triển của não bộ, đặc biệt là của vỏ não, trong đó chú trọng tới tế bào neuron và tế bào hình sao (astrocyte). Đây là hướng nghiên cứu được phát triển chuyên sâu trong thời gian của khóa học nghiên cứu sinh của ứng viên tại Nhật Bản. Các kết quả nghiên cứu đã làm sáng tỏ một số yếu tố tác động tới quá trình sinh trưởng và biệt hóa, di chuyển của các tế bào thần kinh trên vỏ não. Ngoài ra, các nghiên cứu này cũng là cơ sở khoa học giúp giải thích cơ chế bệnh sinh của một số dị dạng não bẩm sinh thường gặp như: não phẳng, dị hình nốt quanh não thất (heterotopia).

Theo hướng nghiên cứu này, ứng viên đã công bố **06** bài báo khoa học trên các tạp chí uy tín (Scopus Q1). Các công trình này đã được tích hợp phục vụ giảng dạy trong các chương trình đào tạo sau đại học Nhi khoa tại trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 00 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) **03/01/05** HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng **08** cấp Cơ sở ;
- Đã công bố (số lượng) **58** bài báo khoa học, trong đó có **11** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 00 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản **02**, trong đó **02** sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): .....

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Có đủ tiêu chuẩn nhà giáo theo quy định tại Luật Giáo dục và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục (năm 2009).
- Về phẩm chất cá nhân: trung thực, có tư tưởng vững vàng, trong sáng, có tư cách đạo đức tốt, tận tâm, tận tình với giáo dục.
- Về chuyên môn, nghiệp vụ: được đào tạo bài bản, đầy đủ về chuyên môn và các tiêu chuẩn nghiệp vụ.
- Về nghiên cứu khoa học: có niềm đam mê với nghiên cứu khoa học, biết vận dụng nghiên cứu khoa học để nâng cao trình độ chuyên môn, có tinh thần học tập chủ động và nghiêm túc. Luôn cố gắng đồng hành cùng các khóa sinh viên, học viên trong nghiên cứu khoa học.
- Phẩm chất trong công tác chuyên môn Y khoa và trong giảng dạy, đào tạo: gương mẫu trong quá trình công tác và giảng dạy, giữ gìn tốt hình ảnh người giảng viên. Sẵn sàng ủng hộ và áp dụng những đổi mới trong phương pháp giảng dạy Y khoa, thúc đẩy sự sáng tạo và tinh thần tự học của người học.
- Các hoạt động phối hợp: luôn đề cao sự hợp tác, tổ chức tốt các nhóm nghiên cứu, là cầu nối trong quan hệ hợp tác viện – trường. Phối kết hợp giữa giảng dạy, nghiên cứu khoa học và ứng dụng trong thực hành lâm sàng nhi khoa.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: **07** năm **03** tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020	00	00	00/00/00	00	288	0	288/216/216 (**)
2	2020-2021	00	00	00/00/00	02	549,6	32	581,6/468,2/270
3	2021-2022	00	00	00/00/00	05	877,6	57	934,6/701,2/270
03 năm học cuối								
4	2022-2023	00	00	01/00/03	06	956	14	970/722,4/300
5	2023-2024	00	00	02/00/00	00 (***)	277,6	789	1066,6/460,9/300
6	2024-2025	00	00	00/01/02	00	768	370	1138/738/240

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

(\*\*) Số giờ chuẩn định mức của năm học 2019-2020 chỉ được tính cho 08 tháng của năm học tính từ tháng 10/2019 (khi ứng viên quay trở lại công tác sau tốt nghiệp Tiến sĩ).

(\*\*\*) Từ năm học 2023-2024, nhà trường áp dụng chương trình đào tạo Y khoa đổi mới (HPET), theo đó sinh viên Y khoa không làm khóa luận tốt nghiệp đại học.

### 3. Ngoại ngữ:

#### 3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh và tiếng Pháp

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS ; tại Cộng hòa Pháp năm 2013.

- Bảo vệ luận án TS ; tại Nhật Bản năm 2019.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Hải Phòng; số bằng: A0137835; năm cấp: 2008.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Việt Nam

d) Đối tượng khác  ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): bằng cử nhân ngành Tiếng Anh, chứng chỉ TOEFL iBT.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Vũ Thị Thu Thủy		HVCH	X		tháng 10/2021 đến tháng 11/2022	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	30/12/2022
2	Bùi Thị Thủy		BSNT		X	tháng 10/2020 đến tháng 11/2022	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	18/01/2023
3	Nguyễn Thị Hiền		BSNT		X	tháng 10/2020 đến tháng 11/2022	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	18/01/2023
4	Nguyễn Đức Ninh		BSNT		X	tháng 10/2020 đến tháng 11/2022	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	18/01/2023
5	Trần Thị Thanh Hằng		HVCH	X		tháng 10/2022 đến tháng 11/2023	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	29/01/2024
6	Vũ Văn Xoa		HVCH	X		tháng 10/2022 đến tháng 11/2023	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	29/01/2024
7	Phạm Thị Ngọc		CK2		X	tháng 10/2023 đến tháng 11/2024	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	07/01/2025
8	Hoàng Thị Hằng		BSNT	X		tháng 10/2022 đến tháng 11/2024	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	19/02/2025

9	Phạm Văn Duyệt		BSNT		X	tháng 10/2022 đến tháng 11/2024	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	19/02/2025
---	----------------	--	------	--	---	---------------------------------	---------------------------------	------------

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS						
1	Giáo trình Nhi khoa tập I	Giáo trình	NXB Y học 2022	15	GS. TS. Nguyễn Ngọc Sáng	56-66	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (Số 776/QĐ-YDHP, 05/5/2022)
2	Giáo trình Nhi khoa tập II	Giáo trình	NXB Y học 2022	12	PGS. TS. Đặng Văn Chúc, GS. TS. Nguyễn Ngọc Sáng	146-163	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (Số 1014/QĐ-YDHP, 06/6/2024)

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: Không.

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS				
1	So sánh đặc điểm của viem tiêu phế quản cấp có nhiễm RSV và không nhiễm RSV tại bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	Chủ nhiệm đề tài	Nhiệm vụ NCKH và công nghệ cấp cơ sở - Trường ĐH Y Dược Hải	Tháng 3/2020 đến tháng 11/2020	Quyết định số 154/QĐ-YDHP ngày 20/01/2021, xếp loại: Khá

			Phòng năm 2020		
2	Đặc điểm vi khuẩn, đề kháng kháng sinh <i>in vitro</i> và kết quả điều trị viêm phổi ở trẻ sơ sinh tại bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	Chủ nhiệm đề tài	Nhiệm vụ NCKH và công nghệ cấp cơ sở - Trường ĐH Y Dược Hải Phòng năm 2021	Tháng 3/2021 đến tháng 10/2021	Quyết định số 2028/QĐ-YDHP ngày 30/12/2021, xếp loại: Khá
3	Thực trạng kháng kháng sinh <i>in vitro</i> của <i>H. influenzae</i> và kết quả điều trị viêm phổi cộng đồng do <i>H. influenzae</i> ở trẻ em Hải Phòng 2019 - 2020	Chủ nhiệm đề tài	Nhiệm vụ NCKH và công nghệ cấp cơ sở - Trường ĐH Y Dược Hải Phòng năm 2021	Tháng 3/2021 đến tháng 10/2021	Quyết định số 2028/QĐ-YDHP ngày 30/12/2021, xếp loại: Khá
4	Đặc điểm dịch tễ lâm sàng và kết quả điều trị co giật do sốt đơn thuần tại bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2021-2022	Đồng chủ nhiệm đề tài	Nhiệm vụ NCKH và công nghệ cấp cơ sở - Trường ĐH Y Dược Hải Phòng năm 2022	Tháng 4/2022 đến tháng 12/2022	Quyết định số 361/QĐ-YDHP ngày 21/02/2023, xếp loại: Khá
5	Đặc điểm dịch tễ lâm sàng, cận lâm sàng của trẻ mắc viêm thanh quản cấp tại bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2021-2022	Chủ nhiệm đề tài	Nhiệm vụ NCKH và công nghệ cấp cơ sở - Trường ĐH Y Dược Hải Phòng năm 2022	Tháng 4/2022 đến tháng 12/2022	Quyết định số 361/QĐ-YDHP ngày 21/02/2023, xếp loại: Xuất sắc
6	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị viêm phổi thùy tại bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2022	Chủ nhiệm đề tài	Nhiệm vụ NCKH và công nghệ cấp cơ sở - Trường ĐH Y Dược Hải Phòng năm 2023	Tháng 4/2023 đến tháng 10/2023	Quyết định số 231/QĐ-YDHP ngày 26/01/2024, xếp loại: Khá
7	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị viêm tiểu phế quản cấp ở trẻ dưới hai tuổi tại bệnh	Người hướng dẫn khoa học	Nhiệm vụ NCKH và công nghệ cấp cơ sở - Trường ĐH Y Dược Hải	Tháng 4/2023 đến tháng 10/2023	Quyết định số 231/QĐ-YDHP ngày 26/01/2024, xếp loại: Xuất sắc

	viện Trẻ em Hải Phòng năm 2022		Phòng năm 2023		
8	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm của trẻ mắc viêm thanh quản cấp tại bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2022	Người hướng dẫn khoa học	Nhiệm vụ NCKH và công nghệ cấp cơ sở - Trường ĐHY Dược Hải Phòng năm 2023	Tháng 4/2023 đến tháng 10/2023	Quyết định số 231/QĐ-YDHP ngày 26/01/2024, xếp loại: Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ, lâm sàng, xét nghiệm và điều trị viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ em tại bệnh viện trẻ em Hải Phòng 2004-2008	2	X	Tạp chí Y học thực hành ISSN: 1859-1663			Số 725+726, trang 574-579	2010
2	Nghiên cứu những biến đổi tim mạch và một số yếu tố liên quan trong bệnh tay chân miệng ở trẻ em tại bệnh viện Trẻ em Hải Phòng từ 1/6/2012 đến 31/5/2013	3	X	Tạp chí Y học thực hành ISSN: 1859-1663			Số 921, trang 276-279	2014

3	Tỷ lệ mắc và một số yếu tố liên quan đến nhiễm khuẩn hô hấp cấp tại huyện Quảng Xương- Thanh Hóa năm 2011	4		Tạp chí Y học thực hành <i>ISSN: 1859-1663</i>		Số 921, trang 108-113	2014
4	Hiệu quả lâm sàng và thay đổi thông khí phổi trên bệnh nhân hen phế quản sau 6 tháng điều trị bằng Symbicort® tại Hải Phòng	3	X	Tạp chí Y học thực hành <i>ISSN: 1859-1663</i>		Số 921, trang 501-505	2014
5	La voie RhoA/Rho-kinases dans un modèle murin de ScS	5		Journal de la Fonction Ventilatoire et de Pneumologie <i>ISSN: 2650-1988</i>		Quyển 5, số 16 - Tháng 11/2014 - Số đặc biệt, trang 22-23	2014
6	Tỷ lệ, nguyên nhân và một số yếu tố liên quan đến tử vong ở trẻ em tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng 2012-2014	3	X	Tạp chí Y học thực hành <i>ISSN: 1859-1663</i>		Số 1004, trang 44-48	2016
7	Đặc điểm dịch tễ lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh sởi tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2014	3	X	Tạp chí Y học thực hành <i>ISSN: 1859-1663</i>		Số 1004, trang 63-67	2016
8	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị nhiễm khuẩn huyết tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng 2010-2014	3	X	Tạp chí Y học thực hành <i>ISSN: 1859-1663</i>		Số 1004, trang 115-119	2016

9	Đặc điểm dịch tễ lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị bệnh lý do <i>Shigella</i> ở trẻ em tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	3	X	Tạp chí Y học thực hành <i>ISSN: 1859-1663</i>			Số 1004, trang 174-179	2016
10	Đặc điểm dịch tễ lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị viêm màng não nhiễm khuẩn tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	3	X	Tạp chí Y học thực hành <i>ISSN: 1859-1663</i>			Số 1004, trang 21-25	2016
11	An essential role of SVZ progenitors in cortical folding in gyrencephalic mammals	5		Scientific Reports <i>ISSN: 2045-2322</i>	ISI, Scopus (Q1)	66	Tập 6:29578, trang 1-12	2016
12	Folding of the Cerebral Cortex Requires Cdk5 in Upper-Layer Neurons in Gyrencephalic Mammals	8		Cell Reports <i>ISSN: 2211-1247</i>	ISI, Scopus (Q1)	93	Tập 20, Số 9, trang 2131-2143	2017
13	Đặc điểm dịch tễ lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị bệnh lý do <i>Shigella</i> tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2015-2016	3		Tạp chí Y học thực hành <i>ISSN: 1859-1663</i>			Số 1077, trang 185-191	2018
14	Characterization of the Inner and Outer Fiber Layers in the Developing Cerebral Cortex of Gyrencephalic Ferrets	6		Cerebral Cortex <i>ISSN: 1460-2199</i>	ISI, Scopus (Q1)	18	Tập 29, Số 10 (Tháng 10-2019), trang 4303-4311	2019

15	FGF signaling directs the cell fate switch from neurons to astrocytes in the developing mouse cerebral cortex	8	X	The Journal of Neuroscience <i>ISSN: 1529-2401</i>	ISI, Scopus (Q1)	45	Tập 39, số 31, trang 6081-6094	2019
II	<b>Sau khi được công nhận TS</b>							
1	<b>Ruptured liver abscess presenting as pneumoperitoneum caused by <i>Klebsiella pneumoniae</i>: a case report</b>	5	X	<b>BMC Surgery</b> <i>ISSN: 1471-2482</i>	ISI, Scopus (Q2)	6	<b>Tập 20, số 1</b>	<b>2020</b>
2	<b>Hypothermia from a two-component mixture comprising Amoxicillin and Sulbactam</b>	8	X	<b>Clinical Case Reports</b> <i>ISSN: 2050-0904</i>	ISI, Scopus (Q4)	1	<b>Tập 8, số 6, trang 1101-1103</b>	<b>2020</b>
3	Visualization of the Retina in Intact Eyes of Mice and Ferrets Using a Tissue Clearing Method	10		Translational Vision Science & Technology <i>ISSN: 2164-2591</i>	ISI, Scopus (Q1)	15	Tập 9, số 3 (1) doi: 10.1167/tvst.9.3.1	2020
4	Nghiên cứu đặc điểm hình ảnh CLVT ung thư phổi nguyên phát ở bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	3		Tạp chí Y học Việt Nam <i>ISSN: 1859-1868</i>			Tập 488 - Tháng 3, Số 1, trang 9-13	2020
5	Nghiên cứu mối tương quan giữa lâm sàng, X quang và số lượng TCD ở bệnh nhân lao phổi AFB (+) đồng nhiễm HIV	4	3	Tạp chí Y học Việt Nam <i>ISSN: 1859-1868</i>			Tập 488 - Tháng 3, Số 1, trang 38-42	2020
6	Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị viêm	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam			Tập 503 - Tháng 6, Số đặc biệt 2, trang 24-30	2021

	màng não mũ tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng			ISSN: 1859-1868				
7	Đặc điểm dịch tễ lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị thiếu máu ở trẻ đẻ non tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2018-2019	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 503 - Tháng 6, Số đặc biệt 2, trang 10-16	2021
8	Đặc điểm của viêm tiểu phế quản cấp có nhiễm RSV tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2019-2020	4	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 503 - Tháng 6, Số đặc biệt 2, trang 17-23	2021
9	Đặc điểm vi khuẩn và kết quả điều trị nhiễm khuẩn huyết tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2014-2018	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 503 - Tháng 6, Số đặc biệt 2, trang 31-37	2021
10	Đặc điểm dịch tễ lâm sàng, cận lâm sàng của trẻ mắc viêm thanh quản cấp tại bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2021-2022	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 521, Số 1 (Tháng 12), trang 174-177)	2022
11	Đặc điểm dịch tễ lâm sàng, cận lâm sàng của trẻ mắc viêm phổi cộng đồng do <i>S. pneumoniae</i> tại bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2019-2020	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868	1		Tập 520, Số 2, trang 187-191	2022
12	Một số đặc điểm của nguyên nhân gây sốc phản vệ tại bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	4	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 515, số Đặc biệt (Tháng 6) Phần 2, trang 28-35	2022
13	Thực trạng kháng kháng sinh của <i>H. influenzae</i> và kết	4	X	Tạp chí Y học Việt Nam			Tập 515, số Đặc biệt (Tháng 6)	2022

	quả điều trị viêm phổi cộng đồng do <i>H. influenzae</i> tại bệnh viện Trẻ em Hải Phòng 2019-2020			ISSN: 1859-1868			Phần 2, trang 42-47	
14	Đặc điểm rối loạn nhịp tim trên Holter điện tâm đồ 24 giờ ở trẻ em tại bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2020-2021	2		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 515, số Đặc biệt (Tháng 6) Phần 2, trang 92-99	2022
15	Đặc điểm vi khuẩn gây bệnh và kết quả điều trị viêm phổi cộng đồng ở trẻ sơ sinh tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2019 – 2020	3	X	Tạp chí Y học dự phòng ISSN: 0868-2836			Tập 32, số 5 (2022): Số đặc biệt - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, trang 126-133	2022
16	Localized astrogenesis regulates gyrification of the cerebral cortex	17		Science Advances ISSN: 2375-2548	ISI, Scopus (Q1)	33	Tập 8, Số 10, eabi5209 DOI: 10.1126/sciadv.abi5209	2022
17	Phenotype and genotype features of Vietnamese children with pachyonychia congenita	7		Pediatrics and Neonatology ISSN: 1875-9572	ISI, Scopus (Q2)	5	Tập 64, số 4, trang 405-410	2023
18	Etiology of bacterial community-acquired pneumonia among hospitalized children in Hai Phong Children's Hospital	3	X	Journal of Medical Research ISSN: 2354-080X		3	Vol. 166, Issue 5E12(2023), p71-76	2023
19	Đặc điểm của nhiễm khuẩn huyết tại bệnh viện Trẻ em Hải Phòng 2014 – 2020	4	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		3	Tập 525, Số 2 (Tháng 4), trang 39-43	2023

20	Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của nhiễm khuẩn huyết ở trẻ sơ sinh tại bệnh viện Trẻ em Hải Phòng 2019 – 2021	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 525, Số 2 (Tháng 4), trang 170-174	2023
21	Đặc điểm dịch tễ lâm sàng và kết quả điều trị co giật do sốt đơn thuần tại bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2021 - 2022	4	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 526, số 2 (Tháng 5), trang 30-24	2023
22	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị đóng ống động mạch ở trẻ sơ sinh non tháng tại bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2021 - 2022	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 526, số 2 (Tháng 5), trang 140-145	2023
23	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị bệnh lý do <i>Shigella</i> tại bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2019 – 2021	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 529, số chuyên đề (Tháng 8), trang 169-176	2023
24	Đặc điểm dịch tễ lâm sàng của biến chứng viêm não ở trẻ mắc tay chân miệng tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2012-2018	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 529, số chuyên đề (Tháng 8), trang 162-168	2023
25	Kết quả một số test chẩn đoán hen phế quản dị ứng do mạt bụi nhà tại Viện Y học biển Việt Nam năm 2021-2022	5		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 529, số chuyên đề (Tháng 8), trang 216-222	2023

26	Clinical Epidemiology, paraclinical characteristics and treatment results of patients with acute laryngitis at Hai Phong Children's Hospital in 2022	8	X	Journal of Health Sciences ISSN: 2815-6307			Volume 1, Issue 6-2023, p.46-53	2023
27	Đặc điểm dịch tễ lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị của trẻ mắc viêm tiểu phế quản cấp tại bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2022	7	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 534, số 1B, trang 182-186	2024
28	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị viêm phổi thùy tại bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2022	4	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 534 - Tháng 1, số 1B (2024), trang 323-327	2024
29	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh màng của trẻ đẻ non tại bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2020-2021	4	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 535 - Tháng 2, số 1B (2024), trang 137-142	2024
30	Đặc điểm vi khuẩn học và kết quả điều trị viêm tai giữa cấp tại bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 535, số 1B (2024), trang 36-41	2024
31	Kiến thức và thực hành xử trí sốt của người chăm sóc cho trẻ dưới 5 tuổi tại bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 544 - tháng 11, số 3 (2024), trang 130-134	2024
32	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến bệnh viêm phổi nặng ở	4		Tạp chí Y học Việt Nam			Tập 545 (Tháng 12) - Số đặc biệt, trang 286-293	2024

	trẻ sơ sinh tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2022-2023			ISSN: 1859-1868				
33	Đặc điểm vi khuẩn học của viêm phổi sơ sinh tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng 2022-2023	5	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 548, số 1 (Tháng 3), trang 98-102	2025
34	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của dị vật đường thở tại bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2019 - 2022	5	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 548, số 1 (Tháng 3), trang 246-251	2025
35	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và đặc điểm vi khuẩn học của viêm phổi tái diễn nặng tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng 2021-2022	4	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 548, số 1 (Tháng 3), trang 7-11	2025
36	Clinical, subclinical characteristics and some associated factors to treatment result of acute otitis media at Hai Phong Children's hospital	6	X	Journal of Health Sciences ISSN: 2815-6307			Volume 2, Issue 6 – 2024, p97-106	2025
37	Sử dụng thang đo Short Mood and Feelings Questionnaire đánh giá trầm cảm ở học sinh lớp 6 của một trường THCS tại Hà Nội	5		Tạp chí Nghiên cứu Y học ISSN: 2354-080X			Tập 188, số 3, trang 280-287	2025
38	Mối liên quan giữa động lực học tập, tình trạng sức khỏe tinh thần, và kết quả học tập của học sinh lớp 6 tại Hà Nội	4		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			Tập 548, số 2 (Tháng 3), trang 299-303	2025

39	<b>Microbiological Characteristics of Community-Acquired Pneumonia in Children in Northern Vietnam</b>	2	X	<b>International Journal of Biomedicine</b> <i>ISSN: 2158-0529</i>	<b>Web of Science Scopus (Q4)</b>		<b>Tập 15, số 1, trang 183-187</b>	<b>2025</b>
40	Đặc điểm dịch tễ, lâm sàng và cận lâm sàng của viêm phổi nhiễm <i>Human adenovirus</i> tại bệnh viện Trẻ em Hải Phòng giai đoạn 2022-2024	4	X	Tạp chí Y học Việt Nam <i>ISSN: 1859-1868</i>			Tập 549, số 2 (tháng 4), trang 278-282	2025
41	Đặc điểm dịch tễ, lâm sàng và cận lâm sàng của co giật do sốt đơn thuần tại bệnh viện Nhi Nam Định	4	X	Tạp chí Y học Việt Nam <i>ISSN: 1859-1868</i>			Tập 549, số 2 (tháng 4), trang 83-86	2025
42	<b>A rare case of colocolic intussusception secondary to a giant sigmoid polyp in a 5-year-old Vietnamese patient</b>	4	X	<b>International Journal of Biomedicine</b> <i>ISSN: 2158-0529</i>	<b>Web of Science Scopus (Q4)</b>		<b>Tập 15, số 2, trang 408-410</b>	<b>2025</b>
43	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của viêm phổi do <i>H. influenzae</i> và đặc tính kháng thuốc của vi khuẩn gây bệnh tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	6	X	Tạp chí Y học Việt Nam <i>ISSN: 1859-1868</i>			Tập 551, số đặc biệt (tháng 6), trang 156-163	2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: **04** bài.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

#### 7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

#### 7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ ngành Nhi khoa năm học 2023-2024	Tham gia	1052/QĐ-YDHP, ngày 09/6/2023	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	1473/QĐ-YDHP, ngày 08/8/2023	
2	Chương trình đào tạo trình độ Bác sĩ nội trú ngành Nhi khoa năm học 2023-2024	Tham gia	1052/QĐ-YDHP, ngày 09/6/2023	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	2153A/QĐ-YDHP, ngày 06/11/2023	
3	Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Nhi khoa định hướng ứng dụng năm học 2023-2024	Tham gia	1052/QĐ-YDHP, ngày 09/6/2023	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	2154A/QĐ-YDHP, ngày 06/11/2023	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH  ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 6 năm 2025

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Đinh Đăng Tung Anh